TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phú**
Số: 14/2021/QĐST- HNGĐ	*Sầm sơn, ngày 13 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 361 và Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2021/TLST- HNGĐ, ngày 23/7/2021 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn"*. Đối với người yêu cầu:

- Anh Lê Ngọc Đ - sinh năm 1972.
- Chị Lê Thị L - sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Khu phố Đài Trúc, phường Quảng Thọ, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc Đ và chị Lê Thị L, tự nguyện tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống địa phương. Đăng ký kết hôn tại UBND phường Quảng Thọ, huyện Quảng Xương (nay là thành phố Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa năm 2001. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không đáp ứng được những nguyên tắc cơ bản và tình nghĩa vợ chồng của chế độ hôn nhân và gia đình như qui định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Việc thuận tình ly hôn của anh Đ và chị L, là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, công nhận thuận tình ly hôn cho anh Đỉnh và chị Lộc, là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Anh Đ và chị L, có 3 người con chung, cháu: Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 13/02/2001, đã thành niên và phát triển bình thường, anh chị không yêu cầu giải quyết; cháu Lê Thị Hoài K, sinh ngày 29/8/2008 và cháu Lê Khả P, sinh ngày 24/9/2013. Anh Đ và chị L thỏa thuận cháu K và cháu P giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cụ thể: Cấp cho cháu K: 1.500.000đ/tháng, cấp cho cháu Phong: 1.500.000đ/tháng. Tổng 2 cháu là: 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu Khanh và cháu Phong đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh Đỉnh và chị Lộc, về việc nuôi con và việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Anh Đ và chị L, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về Lệ phí: Anh Đ và chị L, thỏa thuận chị Lộc nộp tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Ngọc Đ và chị Lê Thị L, được thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Đ và chị L, có 3 người con chung. Ly hôn anh chị thỏa thuận: Cháu Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 13/02/2001 đã thành niên và phát triển bình thường, anh chị không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Cháu Lê Thị Hoài K, sinh ngày 29/8/2008 và cháu Lê Khả P, sinh ngày 24/9/2013 giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cụ thể: Cấp cho cháu K: 1.500.000đ/tháng, cấp cho cháu P: 1.500.000đ/tháng. Tổng 2 cháu là: 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu K và cháu P đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con và việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên cần được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản:* Anh Đ và chị L, không yêu cầu Tòa án gải quyết nên miễn xét.

2. Về lệ phí: Chị L, phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí yêu cầu giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Chị L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0004350 ngày 22/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDTP Sầm Sơn;
- Chi cục THADSTP Sầm Sơn;
- UBND P. Quảng Thọ, TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Thuyên